

Bản án số:339 /2020/HS-ST

Ngày 25/8/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Kiên;***

***Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Ninh;***

***Bà Nguyễn Thị Thúy Mai;***

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Thái- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng- Kiểm sát viên;***

Hôm nay, ngày 25/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) thành phố Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 343/2020/TLST-HS ngày 31/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:370/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Hoàng Văn H**, sinh ngày 30/10/1991, tại tỉnh Bắc Kạn (không có tên gọi khác); Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn Bản Nhượng, xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Chức vụ (Đảng, Chính quyền; Đoàn thể) trước khi phạm tội: Không;

Con ông Hoàng Văn Q (đã chết) và bà Lục Thị T, sinh năm 1966;

Vợ, con: Chưa có; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai;

**Tiền án:** Tại Bản án số 15/2018/HSST ngày 30/3/2018 của TAND huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt H 12 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/12/2018, thi hành xong án phí ngày 15/6/2018;

**Tiền sự:** Không;

**Nhân thân:** Tại Quyết định số 342 ngày 30/4/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên khởi tố H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự về hành vi H thực hiện ngày 22/4/2020, tại tổ 1, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên;

Hiện bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác (có mặt);

**2. Hoàng Văn T**, sinh ngày 23/4/1993, tại tỉnh Bắc Kạn (không có tên gọi khác); Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn Pác Nghè, xã Địa Linh, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn; Giới tính: Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Chức vụ (Đảng, Chính quyền; Đoàn thể) trước khi phạm tội: Không;

Con ông Hoàng Văn L, sinh năm 1966; Bà Vi Thị H, sinh năm 1968;

Vợ: Trương Thị Q, sinh năm 1994; Có 01 con sinh năm 2017;

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba;

*Tiền án:* - Tại Bản án số 09/2016/HSST ngày 30/3/2016 của TAND huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt T 06 tháng tù về tội “ *Trộm cắp tài sản*”(tài sản trộm cắp giá trị là 5.975.000 đồng); Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/7/2017, đã thi hành xong án phí ngày 18/01/2017;

-Tại Bản án số 32/2018/HSST ngày 15/8/2018 của TAND huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, xử phạt T 12 tháng tù về tội “ *Trộm cắp tài sản*” (tài sản trộm cắp giá trị là 649.000 đồng); Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2019, đã thi hành xong án phí ngày 24/9/2018;

*Tiền sự:* Không;

*Nhân thân:-* Tại Bản án số 33/2013/HSST ngày 17/9/2013 của TAND huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt T 06 tháng tù về tội “ *Trộm cắp tài sản*” về hành vi phạm tội do T thực hiện ngày 16/8/2010 (thời điểm này T chưa đủ 18 tuổi); Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/12/2013, đã thi hành xong án phí ngày 22/11/2013;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/5/2020, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt);

+ *Bị hại:* **Anh Bùi Văn H**, sinh năm 1984;

Đăng ký HKTT và ở: Xóm Nam Sơn, xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên; (có đơn xin vắng mặt);

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- **Chị Trương Thị Q**, sinh năm 1994 (vợ bị cáo T);

Đăng ký HKTT và ở: Thôn Pác Nghè, xã Địa Linh, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (có mặt);

+*Người làm chứng:* **Anh Dương Văn N**, sinh năm 1989;

Đăng ký HKTT và ở: Xóm Trung, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt);

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Ngày 30/4/2020 Hoàng Văn H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên khởi tố bị can về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại Cơ quan điều tra H khai nhận: Ngày 11/4/2020 H cùng Hoàng Văn T thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius s- màu đen bạc BKS: 20L9-9378 (xe mô tô YAMAHA) dựng trên vỉa hè đường vào hồ Xương Rồng- tiếp giáp với cửa hàng bán vật liệu xây dựng mang tên Quý Nhung (cửa hàng Quý Nhung), thuộc địa phận tổ 16, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên. Cơ quan điều tra đã tiến hành trích xuất hình ảnh tại Camera an ninh của cửa hàng Quý Nhung

và thu giữ được Video ghi lại toàn bộ hình ảnh diễn biến về hành vi do H và T thực hiện việc trộm cắp chiếc xe mô tô YAMAHA như lời khai của H nêu trên.

Ngày 14/5/2020 Tổ công tác của Đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố Thái Nguyên làm nhiệm vụ tại khu vực chợ Đồng Quang, thuộc địa phận phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên thì phát hiện T đang ngồi trên chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 97 B1-705.59 (xe mô tô Honda), Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra và yêu cầu T về trụ sở Công an thành phố Thái Nguyên để tiến hành điều tra; Tạm giữ của T chiếc xe mô tô này và 3.600.000 đồng tiền mặt;

Quá trình điều tra H và T khai nhận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 11/4/2020 H và T mang 01 chiếc điện thoại di động của T đi cấm tại một cửa hàng thuộc phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên (đối diện siêu thị HC) lấy 500.000 đồng để mua ma túy sử dụng. Sau đó, H và T rủ nhau đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chuộc lại điện thoại. T đã sử dụng chiếc xe mô tô Honda nói trên chở H đến khu vực phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên rồi dừng lại tháo biển kiểm soát của xe này để lắp biển kiểm soát giả khác (BKS 28 E1-038.04, H khai nhận được trước đó), với mục đích tránh sự phát hiện hành vi phạm tội;

Khoảng 16 giờ 47 phút cùng ngày T chở H đến khu vực cửa hàng Quý Nhung, sau khi quan sát thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA dựng trên vỉa hè như H khai nêu trên, ổ khóa điện của xe vẫn cắm chìa khóa và không có người trông coi người trông coi, H và T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô này (H và T đứng cách xe khoảng 2 m). Để thực hiện mục đích H bảo T tiếp tục quan sát xung quanh, T rời khỏi xe để quan sát rồi quay lại vị trí H đang đứng và nói với H “*không có ai đâu, vào lấy đi*”. H giao xe mô tô cho T và bảo T điều khiển xe ra khỏi khu vực cửa hàng để đợi H, nếu trong khi H thực hiện việc trộm cắp bị phát hiện H sẽ đến chỗ T rồi lên xe bỏ chạy tẩu thoát. Sau đó T điều khiển xe mô tô Honda đi cách cửa hàng Quý Nhung khoảng 60-70 m thì dừng xe để đợi H. H đi đến vị trí dựng chiếc xe mô tô YAMAHA rồi bỏ chiếc mũ bảo hiểm đang để trên xe xuống đất và dắt xe lùi ra đường, ngồi lên xe, mở khóa điện nổ máy và điều khiển xe đến khu vực cầu treo Huống (thuộc địa phận xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên) thì dừng xe để gọi điện thoại báo cho T biết việc H đã trộm cắp được xe và bảo T đến chợ Đồng Quang chờ H. Sau đó H gọi cho Nguyễn Xuân C, sinh năm 1987, cư trú tại xóm Già, xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên và nói: “*Anh bán hộ em cái xe không có giấy tờ*” C đồng ý và bảo H điều khiển xe đến khu vực Trường mầm non Huống Thượng (thuộc địa phận xã Huống Thượng). Tại đây, H đã gặp C và trao đổi thống nhất giá mua bán, C đã đưa H gặp 01 nam thanh niên không quen biết (khoảng 20 tuổi), H giao xe cho đối tượng này, sau đó C đưa trả H số tiền mua xe là 1.000.000đ (một triệu đồng).

Tại Cơ quan điều tra C xác định không quen biết H không thừa nhận đã thực hiện hành vi mua xe của H như H khai nêu trên.

Khoảng 1 giờ sau đó H đã gọi điện thoại cho T đến đón H tại khu vực cầu Huống đến chợ Đồng Quang, sau đó các đối tượng sử dụng hết số tiền bán xe nói trên vào việc chuộc lại điện thoại và mua ma túy để sử dụng.

Cùng ngày 11/4/2020 anh Bùi Văn H, là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô YAMAHA nói trên có đơn trình báo Cơ quan công an về việc mất trộm tài sản. Anh H xác định trong cốp của chiếc xe này anh có để các giấy tờ cá nhân gồm: 01 Giấy chứng minh thư nhân dân, 01 bằng lái xe mô tô hạng A1 mang tên Bùi Văn H; Giấy đăng ký của chiếc xe mô tô này mang tên chủ cũ là anh Dương Văn N;

Tại kết luận số 106/HDDGTS ngày 16/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên (Hội đồng định giá) đã kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius - màu đen bạc BKS: 20L9-9378 có số máy: 5C61- 162835, số khung: Y162835, đã qua sử dụng, giá trị là 3.000.000đ ( ba triệu đồng).

**Vật chứng của vụ án là:** - 01 USB có dữ liệu hình ảnh H và T trộm cắp tài sản ngày 11/4/2020- được lưu trong hồ sơ vụ án;

-Chiếc xe mô tô, các giấy tờ cá nhân của người bị hại và biển kiểm soát 28 E1-038.04 (biển giả), Cơ quan Công an không thu hồi được;

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra tạm giữ của T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, biển kiểm soát 97 B1- 705. 59; số khung: GLHJA 3907 HY 3545; số máy: JA 39 E 39E- 0354577, đã qua sử dụng (đăng ký xe mang tên Trương Thị Q- vợ T) và 3.600.000 đồng- tiền mặt. Hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng và tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên chờ xử lý;

Về trách nhiệm dân sự: Anh H yêu cầu H và T phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô YAMAHA nói trên bằng 01 khoản tiền là 3.000.000 đồng; H và T chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 357/CT-VKSTPTN ngày 31 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát (VKS) nhân dân Thành phố Thái Nguyên đã truy tố Hoàng Văn H và Hoàng Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 - được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS);

Tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện VKS nhân dân Thành phố Thái Nguyên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và diễn biến tại phiên tòa đã giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố Hoàng Văn H và Hoàng Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Xác định các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*) và đều phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS (*Tái phạm*);

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện, vai trò của từng bị cáo, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nêu trên, đại diện VKS đề nghị HĐXX xử phạt H từ 18 đến 24 tháng tù; Xử phạt T từ 18 đến 24 tháng tù.

Về vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận mà hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, nhất trí với Bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng các bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:***

***[1] Về tố tụng:*** Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS), người tham gia tố tụng trong vụ án không có khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp;

Người bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ Điều 292 của BLTTHS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

#### ***[2] Về nội dung:***

***2.1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:*** Tại phiên tòa H và T hoàn toàn thừa nhận đã lợi dụng sự sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản và có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là chiếc xe mô tô YAMAHA như bản nội dung bản Cáo trạng của VKS nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố nêu trên. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá và các tài liệu, chứng cứ khác. Chứng minh đầy đủ, toàn diện các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi nêu trên của Hoàng Văn H và Hoàng Văn T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Do đó, hành vi của các bị cáo đã thực hiện nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội ***“Trộm cắp tài sản”*** quy định khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Các bị cáo nhận thức rõ tài sản trên thuộc quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn thực hiện hành vi chiếm đoạt, do đó các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. VKS nhân dân Thành phố Thái Nguyên truy tố các bị cáo tại bản Cáo trạng nêu trên là có căn cứ. Nội dung của khoản 1 Điều 173 của BLHS quy định: ***“1. Người***

*nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...*

Trong vụ án này H và T cùng cố ý thực hiện một tội phạm, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung về toàn bộ tội phạm do các bị cáo đã thực hiện, các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành, do đó xác định là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, H thực hiện tội phạm với vai trò tích cực hơn T, vì vậy cần buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi do các bị cáo đã thực hiện.

**2.2. Về tình tiết định khung hình phạt:** Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, do đó các bị cáo bị xét xử theo các quy định nêu trên là đúng pháp luật.

**2.3. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:**

Xét thấy: Các bị cáo có nhân thân xấu, lười lao động, nghiện ma túy, có lối sống buông thả, coi thường kỷ cương pháp luật, muốn thỏa mãn nhu cầu ích kỷ của bản thân bằng sức lao động của người khác, đều đã bị xử lý về hành vi cùng tính chất với lần phạm tội này và đều bị kết án chưa được xóa án tích ( bị cáo T có nhiều lần bị kết án hơn bị cáo H). Sau khi mãn hạn tù các bị cáo không chịu sửa chữa lỗi lầm mà tiếp tục lún sâu vào con đường tội lỗi. Các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 của Điều 52 của BLHS, vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội các bị cáo gây ra, nhằm giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội và để đảm bảo tính giáo dục răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, cũng xét thấy tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, do đó các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS, mức án vị đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng đối với các bị cáo như nêu trên là có căn cứ.

**2.4. Về hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của BLHS các bị cáo có thể bị phạt từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...hoặc tịch thu 01 phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có khả năng thi hành án, do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo.

**[3] Về trách nhiệm dân sự:** Chiếc xe mô tô YAMAHA các bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại, đăng ký xe mang tên anh Dương Văn N. Qua điều tra anh N xác định đã bán xe này cho anh H vào năm 2012, do đó xác định chiếc xe này là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh H, do không thu hồi được nên anh H

yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 01 khoản tiền là 3.000.000 đồng (theo giá Hội đồng định giá xác định), tại phiên tòa các bị cáo đồng ý.

HĐXX căn cứ Điều 106 của BLTTHS; Điều 46, 48 của BLHS; Điều 288; Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 587; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS), buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh H khoản tiền trên, phần mỗi bị cáo là 1.500.000 đồng (tương đương  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản các bị cáo phải bồi thường).

Như vậy là đã đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho anh H;

**[4] Vật chứng của vụ án là:** 01 chiếc xe mô tô YAMAHA, các giấy tờ tùy thân của anh H và 01 biển kiểm soát xe mô tô giả như nêu trên. Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- 01 USB có dữ liệu hình ảnh H và T trộm cắp tài sản ngày 11/4/2020 là chứng cứ được lưu trong hồ sơ vụ án;

**[5] Về các tài sản đang tạm giữ của bị cáo T:**

- Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ của bị cáo T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, biển kiểm soát 97 B1- 705. 59; số khung: GLHJA 3907 HY 3545; số máy: JA 39 E 39E- 0354577, đã qua sử dụng, đăng ký xe mang tên Trương Thị Q (vợ bị cáo T) và 3.600.000 đồng tiền mặt (hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng và Tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo Ủy nhiệm chi số 72 ngày 10 tháng 8 năm 2020);

Tại phiên bị cáo T và chị Q xác định: - Chiếc xe mô tô trên là tài sản thuộc quyền sở hữu riêng của chị Q (do tài sản này được hình thành trong thời gian T chấp hành án phạt tù của các bản án trước). Do không có cơ sở xác định chị Q biết và giao cho các bị cáo sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội, vì vậy cần hoàn trả chị Q tài sản này;

- Khoản tiền 3.600.000 đồng là tài sản chung của chị Q và T, chị Q đưa cho T để nộp tiền học phí cho con, vì vậy T và chị Q đề nghị HĐXX tạm giữ 01 phần khoản tiền này tương ứng phần tiền T phải bồi thường cho bị hại và phải nộp án phí dân sự, án phí hình sự để đảm bảo thi hành án. Phần tiền còn lại hoàn trả chị Q theo quy định.

HĐXX căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS và các quy định liên quan tương ứng khác, cần tạm giữ 2.000.000 đ (hai triệu đồng) trong khoản tiền trên để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T; Hoàn trả chị Q 1.600.000 đồng còn lại;

**[6] Các vấn đề khác:** - Quá trình điều tra Nguyễn Xuân C không thừa nhận có quen biết và giao dịch mua, bán chiếc xe mô tô như bị cáo H khai nêu trên. Mặt khác, bị cáo H xác định trong quá trình trao đổi nhờ C bán chiếc xe mô tô nói trên, H không nói cho C biết chiếc xe này là tài sản do trộm cắp mà có. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên xác định không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với C về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” là có căn cứ;

- Về hành vi H trộm cắp tài sản ngày 22/4/2020, tại tổ 1, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên khởi tố tại quyết định số 342 ngày 30/4/2020, không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này;

**[7] Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo các quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**[8] Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331;332 và 333 của BLTTHS;

Vì các lẽ trên

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các quy định: - Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 46; 48 của BLHS;

- Điều 106; Điều 136; Điều 331; 332 và 333 của BLTTHS;

-Điều 288; Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 587; khoản 1 Điều 589 của BLDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/ 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên bố**

**1.Về tội danh:** Bị cáo Hoàng Văn H và bị cáo Hoàng Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản";

**2. Về hình phạt chính:-** Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 18 (mười tám ) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành bản án này.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/5/2020;

Quyết định tạm giam bị cáo T 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án;

**2.1. Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo ;

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Buộc bị cáo H và bị cáo T phải liên đới bồi thường cho anh Bùi Văn H 01 khoản tiền là 3.000.000 đ (ba triệu đồng)- Phần mỗi bị cáo phải bồi thường là 1.500.000 đồng (tương đương ½ số tiền các bị cáo phải bồi thường);

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4. Về vật chứng:** Cơ quan điều tra không thu giữ được.

**5. Về các tài sản tạm giữ của bị cáo T:**



-Tạm giữ 2.000.000 đ (hai triệu đồng) trong khoản tiền 3.600.000 đồng Cơ quan điều tra tạm giữ của T (hiện đang tạm giữ trong Tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo Ủy nhiệm chi số 72 ngày 10 tháng 8 năm 2020) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T (đối với khoản tiền phải bồi thường cho bị hại; Án phí hình sự và án phí dân sự);

- Hoàn trả chị Q 1.600.000 đ (một triệu sáu trăm ngàn đồng) còn lại và 01 chiếc xe mô tô Honda, đăng ký xe mang tên chị Q (tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thi hành án thành phố Thái Nguyên số 451 ngày 24 tháng 8 năm 2020) ;

**6. Về án phí:** Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN ;
- Công an TPTN;
- THADS TPTN;
- Bị cáo, BH; NCQLNVLQ
- Lưu hồ sơ;
- Lưu BP HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thúy Kiên**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thúy Kiên**